

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 212/GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 6 năm 2016

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 810/UBND-CN ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 508/TTr-STNMT ngày 20/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, cụ thể như sau:

- Diện tích khu vực thăm dò là 115.146,1 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 có tọa độ thể hiện trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo; trong đó,

diện tích thuộc xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia là 53.711,1 m², diện tích thuộc xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh là 61.435 m²;

- Thời hạn thăm dò: 2,5 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;
- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).
- Lệ phí giấy phép: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Điều 2. Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

2. Thực hiện thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá vôi cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

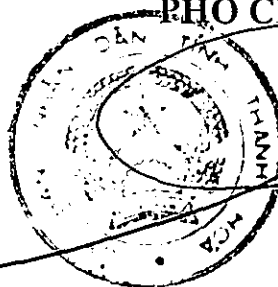
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (07b);
- UBND các huyện: Tĩnh Gia, Như Thanh;
- UBND xã Tân Trường, Thanh Kỳ;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2016

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ TÂN TRƯỜNG, HUYỆN TĨNH GIA VÀ
XÃ THANH KỲ, HUYỆN NHƯ THANH

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 212/GP-UBND
ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0)	
	X (m)	Y (m)
1	21 44 962.03	568 127.50
2	21 45 226.43	568 013.18
3	21 45 279.11	568 119.21
4	21 45 782.65	568 591.52
5	21 44 711.53	568 493.46
Diện tích: 115.146,1 m ²		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THẨM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thẩm dò số : 2/2/GP-UBND
ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Công tác trắc địa			
1	Lập lưới không chế độ cao đo đạc	km	2,0	
2	Lập lưới không chế mặt phẳng	km	2,0	
3	Đo vẽ địa hình TL 1:2.000	ha	14,4	
4	Đo vẽ mặt cắt trữ lượng TL 1:2.000	km	1,20	
5	Định tuyến công trình	km	0,80	
6	Thu đo công trình địa chất hai chiều	điểm	20	
II	Công tác địa chất			
1	Đánh giá khoáng sản TL 1:2.000	m ²	115.146,1	
2	Thi công hào	m ³	20	
III	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu			
1	Lấy mẫu			
1.1	Lấy mẫu hóa (mẫu rãnh 5x3 cm)	mẫu	27	
1.2	Lấy mẫu cơ lý đá nguyên khai	mẫu	20	
1.3	Lấy mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	8	
1.4	Lấy mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	3	
2	Gia công mẫu			
2.1	Gia công mẫu hóa (0,3- 1kg)/mẫu	mẫu	27	
2.2	Gia công mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	8	
2.3	Gia công mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	3	
3	Phân tích, thí nghiệm mẫu			
3.1	Phân tích mẫu hóa (4 chỉ tiêu)	mẫu	27	
3.2	Phân tích mẫu cơ lý đá nguyên khai	mẫu	20	
3.3	Phân tích mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	8	
3.4	Thí nghiệm mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	3	
III	Tổng kết báo cáo			
1	Lập báo cáo tổng kết	km ²	0,115	
2	Đánh máy	trang	50	